NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 20/2017/TT-NHNN	*Hà Nội, ngày 29 tháng 12 năm 2017*

THÔNG TƯ
Quy định về bán khoản phải thu từ hợp đồng cho thuê tài chính

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 16/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 39/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về hoạt động của công ty tài chính và công ty cho thuê tài chính;

Theo đề nghị của Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư quy định về bán khoản phải thu từ hợp đồng cho thuê tài chính.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về hoạt động bán khoản phải thu từ hợp đồng cho thuê tài chính của công ty tài chính, công ty cho thuê tài chính.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Công ty tài chính được thực hiện hoạt động cho thuê tài chính theo Giấy phép thành lập và hoạt động do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp.

2. Công ty cho thuê tài chính.

3. Tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc bán khoản phải thu từ hợp đồng cho thuê tài chính của công ty tài chính, công ty cho thuê tài chính.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Khoản phải thu từ hợp đồng cho thuê tài chính* (sau đây gọi tắt là khoản phải thu) là số tiền mà bên thuê tài chính còn phải trả cho bên cho thuê tài chính theo hợp đồng cho thuê tài chính.

2. *Bán khoản phải thu từ hợp đồng cho thuê tài chính* (sau đây gọi tắt là bán khoản phải thu) là thỏa thuận bằng văn bản về việc bên bán khoản phải thu chuyển giao quyền đòi nợ đối với khoản phải thu cho bên mua khoản phải thu và nhận tiền thanh toán từ bên mua khoản phải thu.

3. *Bên bán khoản phải thu* (sau đây gọi tắt là bên bán) là công ty tài chính, công ty cho thuê tài chính được phép thực hiện hoạt động cho thuê tài chính.

4. *Bên mua khoản phải thu* (sau đây gọi tắt là bên mua) là người cư trú và người không cư trú theo quy định của pháp luật ngoại hối, bao gồm:

a) Người cư trú:

(i) Ngân hàng thương mại, công ty tài chính, công ty cho thuê tài chính (sau đây gọi tắt là tổ chức tín dụng) được thực hiện hoạt động mua nợ theo Giấy phép thành lập và hoạt động do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp;

(ii) Chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thực hiện hoạt động mua nợ theo Giấy phép thành lập do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp;

(iii) Pháp nhân khác không phải là ngân hàng, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, tổ chức tài chính vi mô, quỹ tín dụng nhân dân, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

(iv) Cá nhân;

b) Người không cư trú là tổ chức, cá nhân.

5. *Giá bán khoản phải thu* là số tiền bên mua phải thanh toán cho bên bán theo hợp đồng bán khoản phải thu.

6. *Giá trị ghi sổ của khoản phải thu* là số tiền mà bên thuê tài chính còn phải trả cho bên cho thuê tài chính theo hợp đồng cho thuê tài chính đang hạch toán trong, ngoài bảng cân đối kế toán của bên cho thuê tài chính.

7. *Hợp đồng bán khoản phải thu* là văn bản thỏa thuận giữa bên bán và bên mua nhằm xác lập, thay đổi hoặc chấm dứt quyền và nghĩa vụ của các bên về việc bán khoản phải thu.

8. *Quyền truy đòi trong giao dịch bán khoản phải thu* (sau đây gọi tắt là quyền truy đòi) là quyền theo thỏa thuận cho phép bên mua yêu cầu bên bán thực hiện nghĩa vụ trả tiền đối với bên mua trong trường hợp bên thuê tài chính không hoàn thành nghĩa vụ thanh toán tiền thuê theo hợp đồng cho thuê tài chính.

Điều 4. Phương thức bán khoản phải thu

Bên bán quyết định lựa chọn bán khoản phải thu theo phương thức thỏa thuận thông qua đàm phán trực tiếp giữa bên bán và bên mua hoặc gián tiếp thông qua bên môi giới, hoặc đấu giá tài sản theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản.

Điều 5. Hội đồng bán khoản phải thu

Công ty tài chính, công ty cho thuê tài chính phải thành lập Hội đồng bán khoản phải thu phù hợp với điều lệ, quy định nội bộ về hoạt động bán khoản phải thu. Thành phần, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng bán khoản phải thu do công ty tài chính, công ty cho thuê tài chính quy định.

Điều 6. Giá bán khoản phải thu

1. Việc xác định giá bán khoản phải thu phải bảo đảm nguyên tắc công khai, minh bạch, theo quy định của pháp luật; giá bán phù hợp với nguyên tắc thị trường.

2. Giá bán khoản phải thu theo phương thức thỏa thuận, giá khởi điểm đối với bán khoản phải thu theo phương thức đấu giá tài sản được xác định trên cơ sở giá trị ghi sổ của khoản phải thu, việc đánh giá khả năng trả nợ của bên thuê tài chính, giá trị tài sản cho thuê tài chính, phân loại nợ khoản cho thuê tài chính và các yếu tố thị trường khác.

3. Việc xác định giá bán khoản phải thu theo phương thức thỏa thuận, giá khởi điểm đối với bán khoản phải thu theo phương thức đấu giá tài sản do Hội đồng bán khoản phải thu quyết định, phù hợp quy định của pháp luật.

Điều 7. Nguyên tắc bán khoản phải thu

1. Trong giao dịch bán khoản phải thu, bên bán chỉ được chuyển giao quyền đòi nợ tại hợp đồng cho thuê tài chính cho bên mua, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp bên mua là công ty tài chính, công ty cho thuê tài chính được thực hiện hoạt động cho thuê tài chính theo Giấy phép thành lập và hoạt động do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp, bên bán được chuyển giao quyền sở hữu tài sản cho thuê tài chính, quyền đòi nợ và các quyền, nghĩa vụ khác tại hợp đồng cho thuê tài chính cho bên mua.

3. Trường hợp hợp đồng cho thuê tài chính có thỏa thuận về biện pháp bảo đảm thì việc chuyển giao quyền đòi nợ bao gồm cả biện pháp bảo đảm đó.

4. Bên bán không mua lại các khoản phải thu đã bán.

5. Bên bán không được bán khoản phải thu trong các trường hợp sau đây:

a) Bên mua là công ty con của mình;

b) Bên bán và bên thuê tài chính có thỏa thuận bằng văn bản về việc không được bán khoản phải thu;

c) Khoản phải thu được sử dụng để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự tại thời điểm bán khoản phải thu, trừ trường hợp bên nhận bảo đảm đồng ý bằng văn bản về việc bán khoản phải thu.

6. Trường hợp bán một phần khoản phải thu hoặc bán một khoản phải thu cho nhiều bên mua, thì bên bán và các bên mua thỏa thuận với nhau về tỷ lệ tham gia, phương thức thực hiện, quyền và nghĩa vụ của mỗi bên và các nội dung cụ thể khác tại hợp đồng bán khoản phải thu, phù hợp với quy định của pháp luật.

7. Bên mua là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải đáp ứng các yêu cầu sau đây:

a) Được thực hiện hoạt động mua nợ theo Giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng, Giấy phép thành lập của chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

b) Có tỷ lệ nợ xấu dưới 3% liên tục trong tất cả các quý của năm liền kề và các quý của năm hiện hành trước thời điểm thực hiện mua khoản phải thu, trừ trường hợp mua khoản phải thu theo phương án tái cơ cấu đã được phê duyệt;

c) Tuân thủ các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trong tất cả các quý của năm liền kề và các quý của năm hiện hành trước thời điểm thực hiện mua khoản phải thu;

d) Ban hành quy định nội bộ về hoạt động mua khoản phải thu trước khi thực hiện mua khoản phải thu (trong đó phải có các quy định về phân cấp thẩm quyền theo nguyên tắc phân định trách nhiệm giữa khâu thẩm định và quyết định mua khoản phải thu; phương thức mua khoản phải thu; quy trình mua khoản phải thu; quy trình định giá khoản phải thu; quản trị rủi ro đối với hoạt động mua khoản phải thu);

đ) Phải hạch toán theo dõi riêng theo giá mua thực tế của khoản phải thu được mua, bảo đảm phân định được các khoản phải thu được mua với các khoản nợ hình thành từ hoạt động cấp tín dụng của chính tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đó.

8. Trường hợp bán khoản phải thu có quyền truy đòi, bên bán tiếp tục tính dư nợ cho thuê tài chính vào tổng mức dư nợ cấp tín dụng đối với bên thuê tài chính. Trường hợp bán khoản phải thu không có quyền truy đòi, bên mua là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tính số tiền mua khoản phải thu vào tổng mức dư nợ cấp tín dụng đối với bên thuê tài chính.

9. Công ty tài chính, công ty cho thuê tài chính phải ban hành quy định nội bộ về hoạt động bán khoản phải thu (trong đó phải có các quy định về phân cấp thẩm quyền theo nguyên tắc phân định trách nhiệm giữa khâu thẩm định và quyết định bán khoản phải thu; phương thức bán khoản phải thu; quy trình bán khoản phải thu; quy trình định giá khoản phải thu; quy trình bán đấu giá khoản phải thu trong trường hợp tự đấu giá khoản phải thu) trước khi thực hiện bán khoản phải thu.

Điều 8. Đồng tiền sử dụng trong giao dịch bán khoản phải thu

1. Đồng tiền sử dụng trong giao dịch bán khoản phải thu là đồng Việt Nam. Việc sử dụng ngoại tệ làm đồng tiền thanh toán trong giao dịch bán khoản phải thu chỉ được thực hiện trong trường hợp công ty tài chính, công ty cho thuê tài chính bán khoản phải thu bằng ngoại tệ cho bên mua là người không cư trú.

2. Đồng tiền thu hồi tiền thuê là đồng tiền của khoản tiền thuê tài chính hoặc đồng tiền khác theo thỏa thuận giữa bên mua và bên thuê tài chính phù hợp với quy định của pháp luật về hạn chế sử dụng ngoại hối trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Bên mua, bên bán, bên thuê tài chính và các bên liên quan khác có trách nhiệm tuân thủ các quy định của pháp luật về hạn chế sử dụng ngoại hối trên lãnh thổ Việt Nam khi thực hiện giao dịch bán khoản phải thu và thu hồi tiền thuê.

Điều 9. Bán khoản phải thu từ cho thuê tài chính hợp vốn

1. Trường hợp thành viên tham gia cho thuê tài chính hợp vốn bán một phần hay toàn bộ khoản phải thu của mình, thành viên là bên bán và bên mua thỏa thuận về việc bán khoản phải thu, bảo đảm tuân thủ quy định tại Thông tư này và quy định pháp luật liên quan; đồng thời bên bán thông báo việc bán khoản phải thu cho các thành viên còn lại bằng văn bản.

Đối với bán khoản phải thu từ hợp đồng cho thuê tài chính hợp vốn có thành viên đầu mối thanh toán, thành viên đầu mối thanh toán tiếp tục thu hồi tiền thuê từ bên thuê tài chính, sử dụng số tiền thu hồi được để trả cho bên mua (trừ trường hợp có thỏa thuận khác).

2. Trường hợp bán toàn bộ khoản phải thu, các thành viên cho thuê tài chính hợp vốn thỏa thuận thống nhất việc bán khoản phải thu, bảo đảm tuân thủ quy định tại Thông tư này và quy định pháp luật liên quan.

Điều 10. Cung cấp thông tin

1. Bên bán lựa chọn khoản phải thu từ các hợp đồng cho thuê tài chính để chào bán và phải cung cấp đầy đủ thông tin về các khoản phải thu được chào bán cho bên mua, bao gồm:

a) Danh sách các khoản phải thu: Tên, địa chỉ bên thuê tài chính; tài sản cho thuê và thực trạng tài sản cho thuê; địa điểm đặt tài sản cho thuê; số tiền thuê và số tiền bên thuê tài chính còn phải trả theo hợp đồng cho thuê tài chính; giá chào bán khoản phải thu; các thông tin khác nếu bên mua yêu cầu;

b) Bản sao hợp đồng cho thuê tài chính, hợp đồng bảo hiểm (nếu có);

c) Bản sao chứng nhận đăng ký hợp đồng cho thuê tài chính;

d) Các tài liệu khác theo thỏa thuận giữa bên bán và bên thuê tài chính và không trái với các thỏa thuận tại hợp đồng cho thuê tài chính.

2. Bên bán phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ, chứng từ và các tài liệu có liên quan đến khoản phải thu cung cấp cho bên mua.

3. Bên bán phải thông báo bằng văn bản cho bên thuê tài chính và bên bảo đảm (nếu có) theo hợp đồng cho thuê tài chính về việc bán khoản phải thu, trừ

trường hợp có thỏa thuận khác. Trường hợp bên bán không thông báo về việc bán khoản phải thu mà phát sinh chi phí cho bên thuê tài chính thì bên bán phải thanh toán chi phí này.

Điều 11. Hợp đồng bán khoản phải thu

1. Hợp đồng bán khoản phải thu phải bao gồm những nội dung tối thiểu sau đây:

a) Tên, địa chỉ, mã số doanh nghiệp của bên bán; tên, địa chỉ, số giấy chứng minh nhân dân hoặc số thẻ căn cước hoặc số hộ chiếu còn hiệu lực hoặc mã số doanh nghiệp của bên mua;

b) Khoản phải thu, thời hạn còn lại của hợp đồng cho thuê tài chính, tài sản cho thuê tài chính liên quan tới khoản phải thu được bán và tên, địa chỉ của bên thuê tài chính;

c) Giá bán khoản phải thu;

d) Chi phí liên quan đến việc thực hiện bán khoản phải thu;

đ) Đồng tiền bán khoản phải thu; phương thức thanh toán, thời hạn thanh toán;

e) Biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng bán khoản phải thu (nếu có);

g) Quy định về chuyển giao quyền đòi nợ, quyền sở hữu tài sản cho thuê tài chính và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 7 Thông tư này;

h) Quy định về việc bên mua trực tiếp thu tiền thuê; hoặc bên bán thu tiền thuê để trả cho bên mua hoặc thành viên đầu mối thanh toán thu tiền thuê để trả cho bên mua (trong trường hợp bán khoản phải thu từ hợp đồng cho thuê tài chính hợp vốn có thành viên đầu mối thanh toán);

i) Quy định về việc truy đòi khoản phải thu (nếu có);

k) Phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại;

l) Trách nhiệm gửi thông báo cho bên thuê tài chính (nếu có);

m) Quyền và nghĩa vụ của bên bán và bên mua;

n) Quy định về việc xử lý trong trường hợp hợp đồng cho thuê tài chính chấm dứt trước hạn;

o) Giải quyết tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng bán khoản phải thu;

p) Hiệu lực của hợp đồng bán khoản phải thu.

2. Ngoài các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này, bên bán và bên mua có thể thỏa thuận các nội dung khác phù hợp với quy định tại Thông tư này và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 12. Xử lý tài chính, hạch toán kế toán, báo cáo thống kê

1. Công ty tài chính, công ty cho thuê tài chính thực hiện việc hạch toán kế toán, báo cáo thống kê đối với nghiệp vụ bán khoản phải thu theo quy định của pháp luật hiện hành về chế độ hạch toán kế toán và báo cáo thống kê của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

2. Trường hợp bán khoản phải thu không có quyền truy đòi, bên bán xử lý phần chênh lệch giữa giá bán và giá trị ghi sổ của khoản phải thu như sau:

a) Trường hợp giá bán cao hơn giá trị ghi sổ đang hạch toán trong bảng cân đối kế toán của khoản phải thu thì phần chênh lệch cao hơn được hạch toán vào thu nhập trong năm tài chính của bên bán;

b) Trường hợp giá bán thấp hơn giá trị ghi sổ đang hạch toán trong bảng cân đối kế toán của khoản phải thu thì phần chênh lệch thấp hơn được bù đắp từ tiền bồi thường của cá nhân, tập thể (trong trường hợp tổn thất đã được xác định do cá nhân, tập thể gây ra và phải bồi thường theo quy định), tiền bảo hiểm của tổ chức bảo hiểm và số tiền dự phòng cụ thể đã được trích lập trong chi phí của khoản phải thu đó; phần còn thiếu được hạch toán vào chi phí của bên bán trong kỳ.

3. Trường hợp bán khoản phải thu có quyền truy đòi, bên bán xử lý phần chênh lệch giữa giá bán và giá trị ghi sổ của khoản phải thu như sau:

a) Trường hợp giá bán cao hơn giá trị ghi sổ đang hạch toán trong bảng cân đối kế toán của khoản phải thu thì phần chênh lệch cao hơn được hạch toán vào thu nhập của bên bán sau khi kết thúc thời hạn truy đòi theo hợp đồng bán khoản phải thu;

b) Trường hợp giá bán khoản phải thu thấp hơn giá trị ghi sổ đang hạch toán trong bảng cân đối kế toán của khoản phải thu thì phần chênh lệch thấp hơn được bù đắp từ tiền bồi thường của cá nhân, tập thể (trong trường hợp tổn thất đã được xác định do cá nhân, tập thể gây ra và phải bồi thường theo quy định), tiền bảo hiểm của tổ chức bảo hiểm và số tiền dự phòng cụ thể đã được trích lập trong chi phí của khoản phải thu đó; phần còn thiếu được hạch toán vào chi phí của bên bán trong kỳ.

Điều 13. Điều khoản chuyển tiếp

Hợp đồng bán khoản phải thu ký trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành được tiếp tục thực hiện theo các thỏa thuận đã ký kết. Việc sửa đổi, bổ sung hợp đồng bán khoản phải thu phải phù hợp với quy định tại Thông tư này.

Điều 14. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 12/02/2018, thay thế Thông tư số 09/2006/TT-NHNN ngày 23/10/2006 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn hoạt động bán khoản phải thu từ hợp đồng cho thuê tài chính theo quy định tại Nghị định số 65/2005/NĐ-CP ngày 19/5/2005 của Chính phủ quy định về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 16/2001/NĐ-CP ngày 02/5/2001 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của công ty cho thuê tài chính.

2. Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên và Tổng giám đốc (Giám đốc) tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này./.

KT. THỐNG ĐỐC
PHÓ THỐNG ĐỐC

Nguyễn Đồng Tiến